

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HSST

Ngày: 08 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Cường,

2. Ông Phạm Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với: Bị cáo Lê Văn Q, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1990; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Thọ T và bà Nguyễn Thị H, có vợ Thái Thị Thanh N; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 12 tháng 3 năm 2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Về nhân thân: Ngày 29-5-2015, có hành vi “Gây rối trật tự công cộng” bị Công an xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 200.000 đồng. Ngày 11-8-2016, có hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” bị Công an xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 2.000.000 đồng. Ngày 16-8-2016, sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an huyện Q xử phạt hành chính 750.000 đồng.

Bị hại: Bà Trần Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã Hh, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Thế Y, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 10 năm 2021, Lê Văn Q, sinh năm 1990, ở thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đi bộ ngang qua nhà bà Trần Thị H, sinh năm 1969, ở thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, thấy nhà tắt điện, không có ai nên Q đi vào nhà cấp 4 (sát nhà hai tầng của bà H). Q trèo lên cột trụ trước hiên nhà cấp 4, leo lên mái nhà rồi dùng tay gỡ 4-5 viên ngói và chui vào trong nhà. Sau khi vào được trong nhà, Q thấy nhà cấp 4 và nhà hai tầng có cửa thông nhau không khóa nên Q đi vào tầng 1 của nhà hai tầng. Khi đến phòng ngủ (sát phòng khách), Q thấy cửa phòng ngủ đóng nên dùng tay đẩy cong khung cửa nhôm kính, sau đó cho tay vào phía trong mở chốt cửa làm cửa bung ra. Q đi vào phòng bật điện sáng lên, Q nhìn dưới gầm giường ngủ có 01 (một) túi ni lông màu đen bên trong đựng 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay, trên đầu giường có 02 (hai) đồng hồ đeo tay. Q lấy túi ni lông màu đen bên trong đựng 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay cùng 02 (hai) đồng hồ đeo tay rồi tắt điện phòng ngủ, đi ra mở chốt cửa chính và ra ngoài. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, Q đem toàn bộ số tài sản trên về cất giấu tại nhà anh Lê Thế Y, sinh năm 1994, ở thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và ngủ tại nhà của anh Y. Đến sáng ngày 02 tháng 01 năm 2021, Q hỏi Y biết chỗ nào bán máy khoan và máy cắt không, Y hỏi Q số tài sản ở đâu, Q trả lời là của Q nên Y cho Q số điện thoại của anh Nguyễn Văn L, chỗ ở thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để liên lạc. Q điện thoại hỏi anh L để hỏi bán số tài sản trên, anh L đồng ý. Q nhờ Y dùng xe mô tô của Y chở Q đem theo 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt đến nhà L. Tại đây Q bán cho anh L 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay với giá 1.000.000 đồng. Đến ngày hôm sau, Q đưa 01 (một) đồng hồ đeo tay có mặt màu vàng hồng, dây da màu đen mà trước đó Q trộm cắp được đến bán cho ông Nguyễn Văn L, chỗ ở xóm 1, thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình với giá 200.000 đồng, còn 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng kim loại màu vàng do không hoạt động được nên Q để lại nhà Y.

Tại Kết luận định giá số 15/BB-LKĐG, ngày 30 tháng 11 năm 2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh kết luận: 01 (một) máy khoan cầm tay màu xanh nước biển đậm, nhãn hiệu BOSCH, GBH2-26 DRE, máy đã qua sử dụng trị giá còn lại 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) máy khoan cầm tay màu xanh lá cây, mã JX6105, JIZ-JX-10, máy đã qua sử dụng, giá trị còn lại 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn

đồng); 01 (một) máy cắt cầm tay màu đỏ, nhãn hiệu PANDA, máy đã qua sử dụng giá trị còn lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 (một) máy cắt cầm tay màu xanh non, mã G9-100B giá trị còn lại 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); 01 (một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HUBLOTGENEVE màu vàng hồng, quai đen đã qua sử dụng và 01 (một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, quai kim loại màu vàng đã qua sử dụng không có cơ sở thẩm định giá. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 11 tháng 3 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản nói trên cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, lời luận tội của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Bị cáo Lê Văn Q đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của chủ sở hữu để lén lút trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá

nhân với tài sản là 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay, trị giá 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); 02 (hai) đồng hồ đeo tay không có cơ sở thẩm định giá. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Lê Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo Lê Văn Q thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 29-5-2015, có hành vi “Gây rối trật tự công cộng” bị Công an xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 200.000 đồng. Ngày 11-8-2016, có hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” bị Công an xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 2.000.000 đồng. Ngày 16-8-2016, sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an huyện Q xử phạt hành chính 750.000 đồng nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi bị truy nã ra đầu thú được quy định tại điểm b, s, h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Trong vụ án này, có Lê Thế Y là người cho Q ngụ tại nhà, chở Lê Văn Q đi bán 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay; anh Nguyễn Văn L là người đã mua 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay do Q trộm cắp; ông Nguyễn Văn L là người mua 01 (một) đồng hồ đeo tay có mặt màu vàng hồng, dây da màu đen của Lê Văn Q. Qua trình điều tra, xác định được cả anh Y, anh L và ông L không biết 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay; 01 (một) đồng hồ đeo tay mà Q mang đi bán là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Y, anh L và ông L.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, anh Nguyễn Văn L đã nhận đủ số tiền 1.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị H (mẹ của bị cáo) là tiền mua 02 (hai) máy khoan và 02 (hai) máy cắt cầm tay của Lê Văn Q, ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Q trả 200.000 đồng tiền mua đồng hồ của Q nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã tiến hành thu giữ 01 (một) máy khoan cầm tay màu xanh nước biển đậm, nhãn hiệu BOSCH, GBH2-26 DRE; 01 (một) máy khoan cầm tay màu xanh lá cây, mã JX6105, JIZ-JX-10; 01 (một) máy cắt cầm tay màu đỏ, nhãn hiệu PANDA; 01 (một) máy cắt cầm tay màu xanh non, mã G9-100B; 01 (một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HUBLLOTGENEVE màu vàng hồng, quai đen và 01 (một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, quai kim loại màu vàng, tất cả đã qua sử dụng. Ngày 02 tháng 3 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị H đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 đến ngày 12 tháng 3 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

